6/78 WTO

Recorded by JRC

Date 11/25/80

U.S. GEOLOGICAL SURVEY
WATER RESOURCES DIVISION
MISSISSIPPI DISTRICT
WELL RECORD

TRANSMITTED FOR ADP Sumrall

Well No. M-36

E-Log No.

County Covington

Site ID 5 3 1 2 9 2 9 0 8 9 2 8 1 4 0 1 19 | R=0* | T= A * | 2=W*

GEN. SITE DATA

Data reliab. 3= M * C U | Report. agency 4=USGS* | Dist. 6=28* | 7=28* | Co. 8= 0 3 1 *

Lat. / Long. / 9= 3 1 2 9 2 9 * | 10= 0 8 9 2 8 1 4 * | Well No. 12= M 0 3 6 *

Location 13= NWNE S 1 4 T 0 6 N R 1 5 W * | Alt. 16= 2 8 2 . *

Hyd. Unit(OWDC) 20= * | Date 21= 1 0 1 0 5 1 1 9 8 0 *

Well use 23= W * | Water Use 24= H * | Hole depth 27= 2 3 0 . * | Well depth 28= 2 3 0 . *

WL 30= 1 6 2 . * | Date 31= 1 0 1 0 5 1 1 9 8 0 * | Source 33= D *

Status 273 = * | Project No. 5= *

OWNER

R=158* | T= A * | Date 159# 1 0 1 0 5 1 1 9 8 0 * | Owner No.

Owner 161# ROBERT L HOLBROOK *

FIELD QW

R=192* | T= A * | Date 193# * | Temp. 196#00010* | 197= . *

R=192* | T= A * | Date 193# * | Cond. 196#00095* | 197= . *

R=192* | T= A * | Date 193# * | pH 196#00400* | 197= . *

CONSTR.

R=58* | T= A * | 59# 1* | Date 60= 1 0 1 0 5 1 1 9 8 0 * | Remarks

Drlg. 63= 2 2 8 * | Name Cochran Brothers | Method 65= H * | Finish 66= 5 *

CASING

R=76* | T= A * | 59#1* | PVC

Top csgn. 77# 0 . * | Bot. csgn. 78= 2 2 0 . * | Diam. 79# 2 . *

R=76* | T= A * | 59#1*

Top csng 77# . * | Bot. csgn. 78= . * | Diam. 79# . *

OPENINGS

R=82* | T= A * | 59#1* | Top 83# 2 2 0 . * | Bottom 84= 2 3 0 . *

Type 85= S * | Diam. 87= 2 . * | Size 88= . *

R=82* | T= A * | 59#1* | Top 83# . * | Bottom 84= . *

Type 85= * | Diam. 87= . * | Size 88= . *

YIELD

R= 1 4 6 * | T= A * | 147# 1 * | Q 150= 6 . * | Q/S 272= . *

134 flows 146 pumped

LIFT

R=42* | T= A * | Lift type 43# T * | Intake 44= * | Power type 45= E *

Date 38= 10/05/1980 * | H.P. 46= / . *

LOGS

R=198* | T= A * | Log 199# D * | Top 200= 0. * | Bot 201= 230. *

R=198* | T= A * | Log 199# * | Top 200= . * | Bot 201= . *

R=189* | T= A * | E Log No. 190# * | 191= M I S S D I S T *

ANAL.

R=114* | T= A * | Year 115# * | Type 120= *

AQUIFERS

R=90* | T= A * | 256# 1 * | Top 91= 162. * | Bot 92= 230. *

Unit ID 93= 122MSCV * | Name of Unit Miocene

R=90* | T= A * | 256# 1 * | Top 91= . * | Bot 92= . *

Unit ID 93= * | Name of Unit

HYDRAULICS

R=98* | T= A * | 99# 1 * | Unit tested 100= * | 103= *

R=105* | T= A * | 99# 1 * | Test No. 106# *

107= * | Transmissivity (gal/d)/ft

108= . * | Hydraul. cond. (gal/d)/ft^2

110= . * | Storage coeff. | Boundaries

R=121* | T= * | Yr Begin 122# * | Network 258= *

Water Level Data Collection (1)

description of formations encountered	from	to
Top soil	0	1
Red clay	1	17
Red sand	17	18
White Clay	18	22
Fine Sand	22	27
gray clay	27	78
Blue clay	78	125
Blue Shale	125	137
gray clay	137	162
Blue clay	162	180
sand	180	230